

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 08/2019/QĐ-UBND**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Kon Tum, ngày 10 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê**  
**nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ khoản 3 Điều 8 Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh tại Tờ trình số 03/TTr-CTK ngày 14 tháng 02 năm 2019 và Báo cáo số 116/BC-CTK ngày 11 tháng 4 năm 2019,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 2019 và thay thế Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Văn Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm, phương thức, thời gian phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị, người làm công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Kon Tum, bao gồm:

a) Cục Thống kê tỉnh; Chi cục Thống kê các huyện, thành phố (*sau đây gọi chung là cơ quan thống kê*);

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

c) Người làm công tác thống kê tại điểm a, b, khoản 1 Điều này; Công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phổ biến**

1. Việc phổ biến thông tin thống kê nhà nước phải tiến hành theo quy định của Luật thống kê năm 2015, và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Có sự phân công, phân cấp, rõ ràng; xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các hoạt động phổ biến thông tin thống kê nhà nước.

3. Thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thu thập, tổng hợp, phân tích và được bảo đảm phổ biến kịp thời, đầy đủ, khách quan, minh bạch và phù hợp với nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm việc tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin thống kê nhà nước được dễ dàng, thuận tiện, bình đẳng và hiệu quả. Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng hiện có về nguồn thông tin thống kê và các nguồn lực đảm bảo cho hoạt động phổ biến thông tin thống kê nhà nước.

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê nhà nước

1. Cục Thống kê tỉnh phổ biến các thông tin thống kê nhà nước sau:

a) Thông tin thống kê quy định trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm phổ biến của Cục Thống kê tỉnh;

b) Thông tin thống kê thuộc báo cáo thống kê ước tính phản ánh tình hình kinh tế - xã hội tháng, quý, năm;

c) Thông tin thống kê thuộc báo cáo thống kê chính thức hàng năm;

d) Thông tin thống kê thuộc niên giám thống kê tỉnh hàng năm;

đ) Thông tin thống kê đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Chương trình mục tiêu quốc gia và những thông tin thống kê đánh giá tác động, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội khác trong phạm vi tỉnh;

e) Thông tin thống kê của các cuộc điều tra do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì và ủy quyền phổ biến;

g) Thông tin thống kê chuyên đề, đột xuất và thông tin thống kê kinh tế - xã hội khác thuộc chức năng, nhiệm vụ thu thập, tổng hợp và phổ biến của Cục Thống kê tỉnh;

h) Kết quả một số cuộc điều tra, tổng điều tra thống kê theo quy định.

2. Sở, ban ngành thuộc tỉnh phổ biến các thông tin thống kê nhà nước sau:

a) Kết quả các cuộc điều tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho sở, ban ngành công bố và phổ biến (*kể cả thông tin các cuộc điều tra do đơn vị trực thuộc sở, ngành được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện*);

b) Các thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh do sở, ban ngành thu thập, tổng hợp báo cáo theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phổ biến các thông tin thống kê nhà nước sau:

a) Kết quả các cuộc điều tra theo phương án của tỉnh và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố công bố và phổ biến;

b) Các thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp huyện do các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thu thập, tổng hợp, báo cáo theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

**Điều 5. Thông tin thống kê không được phổ biến**

1. Thông tin thống kê thuộc danh mục bí mật Nhà nước.
2. Thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của tổ chức, cá nhân chưa được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho phổ biến.
3. Thông tin thống kê không bảo đảm chất lượng quy định và những thông tin thống kê đã bị làm sai lệch.
4. Thông tin thống kê phục vụ lợi ích riêng của các tổ chức, cá nhân gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.
5. Thông tin thống kê chưa được người có thẩm quyền công bố.

**Điều 6. Phương thức phổ biến**

1. Trang thông tin điện tử của cơ quan thuộc hệ thống thống kê nhà nước; trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước.
2. Hợp báo, thông cáo báo chí.
3. Phương tiện thông tin đại chúng.
4. Xuất bản ấn phẩm, các hình thức lưu giữ thông tin điện tử.

**Điều 7. Xây dựng và công bố công khai lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước**

1. Lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước bao gồm các thông tin sau: Tên, mức độ hoàn chỉnh của thông tin thống kê, thời gian và hình thức phổ biến, đơn vị chịu trách nhiệm phổ biến.
2. Các cơ quan, tổ chức phổ biến thông tin thống kê nhà nước được quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

**Chương III****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 8. Trách nhiệm của Cục Thống kê tỉnh**

1. Cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này.
2. Công bố công khai lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước thuộc trách nhiệm của Cục theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quy chế này.
3. Theo dõi, hướng dẫn các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cung cấp, phổ biến thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
4. Cung cấp thường xuyên thông tin thống kê nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng theo lịch phổ biến hàng năm.
5. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng thông tin thống kê nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, kịp thời phát hiện các hành vi vi

phạm và xử lý theo thẩm quyền.

**Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đơn vị, địa phương) trong việc phổ biến thông tin thống kê nhà nước**

1. Chịu trách nhiệm phổ biến thông tin thống kê nhà nước do đơn vị, địa phương phổ biến được quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy chế này tới các đơn vị, địa phương trong phạm vi phụ trách, quản lý.

3. Thủ trưởng đơn vị, địa phương phổ biến thông tin thống kê nhà nước phải chịu trách nhiệm về thông tin thống kê nhà nước do đơn vị, địa phương mình đã phổ biến.

**Điều 10. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước**

1. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước

a) Được tiếp cận, khai thác và sử dụng đối với thông tin thống kê nhà nước do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phổ biến;

b) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh công khai lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; minh bạch về nguồn thông tin, khái niệm, phạm vi thu thập, phương pháp tính toán, mức độ hoàn chỉnh của thông tin (*ước tính, sơ bộ, chính thức*), các điều chỉnh bổ sung và các vấn đề khác liên quan đến thông tin thống kê phổ biến;

c) Có quyền khiếu nại khi đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh không thực hiện trách nhiệm đối với những quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước

a) Phản ánh nhu cầu về thông tin thống kê với các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ phổ biến thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh; đồng thời chủ động đề xuất giải pháp thực hiện phù hợp;

b) Bảo vệ tính trung thực, khách quan và tính pháp lý của thông tin thống kê nhà nước đã được các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phổ biến. Sử dụng chính xác thông tin thống kê đã được công bố và phải trích dẫn, ghi rõ nguồn gốc thông tin thống kê nhà nước đã được sử dụng. Không được sử dụng các thông tin thống kê nhà nước vào những việc gây phương hại tới lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng hoặc lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

c) Chịu sự kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước của cơ quan thống kê nhà nước theo quy định;

d) Cập nhật kiến thức thống kê và kỹ năng tìm kiếm, khai thác thông tin thống kê nhà nước để chủ động trong việc tiếp cận thông tin và nâng cao hiệu quả việc sử dụng thông tin thống kê nhà nước của cơ quan, đơn vị.

3. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đột xuất cần được cung cấp một số thông tin thống kê nhà nước trước thời hạn phổ biến theo lịch quy định, phải cam kết thực hiện các quy định sau đây:

a) Đề xuất trước nhu cầu để cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ phổ biến những thông tin thống kê này xem xét, xây dựng kế hoạch và thực hiện kịp thời;

b) Khi được cung cấp trước những thông tin thống kê trước lịch quy định chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu, triển khai công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không được phổ biến lại cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; không được sửa chữa, thay đổi thông tin được cung cấp;

c) Thông tin được cung cấp trước lịch phổ biến theo nhu cầu riêng của tổ chức, cá nhân không có giá trị thay thế thông tin cùng loại được phổ biến đúng lịch phổ biến.

### **Điều 11. Điều khoản thi hành**

1. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình; đồng thời phổ biến tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan để thống nhất thực hiện.

2. Giao Cục Thống kê tỉnh là cơ quan chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ; triển khai, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề bất cập cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Cục Thống kê tỉnh) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Văn Hòa**